TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/4/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

Ông Nguyễn Văn Chấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 636/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 14/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

HKTT: thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, thị trấn Ph, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1997.

HKTT: thôn T, xã B, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 10/5/2018, chị và anh Dương Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và cùng thống nhất đi đến

việc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng nuôi dạy con và làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nhưng bắt đầu từ khoảng tháng 12/2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H hay chơi bời, nợ nần nhiều; vợ chồng không có tiếng nói chung hay xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Từ thời điểm đó cho đến nay, vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay vợ chồng chị chấm dứt hoàn toàn mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế.

Vợ chồng chị đã cố gắng hàn gắn và được 2 bên gia đình động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Dương Tiến Đ sinh ngày 26/11/2019. Hiện cháu Đ đang ở với chị; để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và tốt nhất cho con, vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Chị đang làm tại công ty TNHH Crystal Martin Việt Nam, mức thu nhập hàng tháng là 9.000.000 đồng, cung cấp cho Tòa án bảng sao kê lương trong vài tháng gần đây (từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2023).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Bị đơn, anh Dương Văn H*: Về điều kiện, thời gian kết hôn, con chung anh H thống nhất với trình bày của chị H. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng không chung quan điểm sống, chí hướng phát triển kinh tế, hay cãi vã nhau, đã ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Chị H làm đơn đề nghị ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, do anh không có công ăn việc làm ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Chị giữ nguyên các ý kiến, quan điểm đã nêu và đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh H. Về con chung: Để đảm bảo điều kiện về chỗ ăn, ở, sinh hoạt, học tập và đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu Đ. Hơn nữa, hiện tại cháu Đ đang ở với chị, chị có công việc và thu nhập ổn định. Do vậy chị đề nghị giao cháu Đ cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng

xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Tiến Đ, sinh ngày 26/11/2019. Anh Dương Văn H có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin ly hôn, giải quyết về con chung với anh Dương Văn H nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh H. Tuy nhiên, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 10/5/2018 chị và anh Dương Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và cùng thống nhất đi đến việc kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị H trình bày bắt đầu từ tháng 12 năm 2022 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Giữa chị và anh H chấm dứt hoàn toàn mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Anh H có lời khai thống nhất về điều kiện, thời gian kết hôn, về con chung như chị H trình bày. Nay chị H làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh đồng ý giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày từ tháng 12/2022 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ, nhưng anh H có lời trình bày đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt, còn chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Dương Tiến Đ sinh ngày 26/4/2019. Chị H đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị có công việc, thu nhập ổn định 9.000.000 đồng/ tháng. Hiện cháu Đ đang ở cùng với chị. Anh H là bị đơn có lời khai với Tòa án đồng ý cho chị H nuôi dưỡng con chung, do anh Đạt không có công việc thu nhập ổn định.

Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định chỗ ăn, ở, sinh hoạt, học hành của cháu Đ thì cần giao cháu Đ cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Dương Tiến Đ, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2019. Anh Dương Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014288 ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chấn Nguyễn Tiến Chỉnh **Giáp Thị Loan**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan